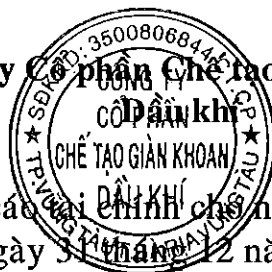




Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan



**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**



Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số

4903000395
3500806844
3500806844
3500806844

ngày 9 tháng 7 năm 2007
ngày 24 tháng 10 năm 2008
ngày 19 tháng 8 năm 2011
ngày 1 tháng 12 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4903000395 và 3500806844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Hội đồng Quản trị

Đặng Thế Hưởng
Phan Tử Giang
Đỗ Thành Hưng
Vũ Minh Tuấn
Hoàng Huy Hà

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Phan Tử Giang
Lê Hưng
Trần Quốc Thành

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bùi Đức Kiên
Cù Minh Tuyên
Lưu Văn Hợp

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

65A2, đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Thành Phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2012. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

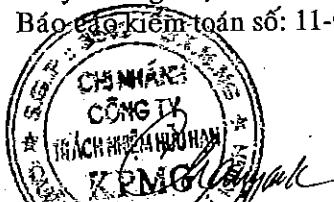
Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-01-306



Chàng Hùng Chấn

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0436/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		974.457.540	1.308.444.061
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	292.876.907	454.656.978
Tiền	111		152.876.907	135.458.507
Các khoản tương đương tiền	112		140.000.000	319.198.471
Các khoản phải thu	130	4	534.796.444	331.371.165
Phải thu thương mại	131		239.413.746	213.493.147
Trả trước cho người bán	132		19.910.673	110.251.291
Phải thu theo tiến độ của hợp đồng xây dựng	134		273.433.931	-
Phải thu khác	135		2.038.094	7.626.727
Hàng tồn kho	140	5	141.556.291	474.944.216
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.227.898	47.471.702
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		504.905	4.953.205
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.020.668	41.753.947
Thuế và các khoản phải thu từ Ngân sách Nhà nước	154		3.581.886	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		120.439	764.550
Tài sản dài hạn	200		1.237.259.146	1.234.894.063
Tài sản cố định	220		1.088.716.251	1.090.400.567
Tài sản cố định hữu hình	221	6	991.815.226	616.767.088
Nguyên giá	222		1.166.497.295	673.358.320
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(174.682.069)	(56.591.232)
Tài sản cố định vô hình	227	7	21.467.047	223.063
Nguyên giá	228		28.880.567	608.110
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.413.520)	(385.047)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	75.433.978	473.410.416
Tài sản dài hạn khác	260		148.542.895	144.493.496
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	148.542.895	144.493.496
TỔNG TÀI SẢN	270		2.211.716.686	2.543.338.124

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

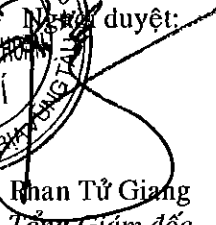
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.531.531.977	1.801.952.309
Nợ ngắn hạn	310		1.531.531.977	1.207.792.361
Vay ngắn hạn	311	10	888.339.830	-
Phải trả người bán	312		479.835.095	232.230.628
Người mua trả tiền trước	313	11	130.199.763	906.949.809
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	12	2.064.171	5.251.254
Phải trả nhân viên	315		12.497.554	17.089.520
Chi phí phải trả	316	13	11.661.539	44.504.888
Các khoản phải trả khác	319		6.103.317	1.766.262
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		830.708	-
Vay dài hạn	330		-	594.159.948
Vay dài hạn	334	14	-	594.159.948
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		680.184.709	741.385.815
Vốn chủ sở hữu	410		662.972.555	738.280.217
Vốn cổ phần	411	15	594.897.870	700.000.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		765.604	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		67.309.081	38.280.217
Nguồn kinh phí sự nghiệp	430		17.212.154	3.105.598
Nguồn kinh phí sự nghiệp	432	16	17.212.154	3.105.598
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.211.716.686	2.543.338.124

Người lập:


 Nguyễn Văn Quang
 Kế toán trưởng



Người duyệt:


 Phan Tử Giang
 Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

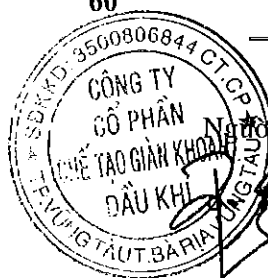
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND'000	2010 VND'000
Tổng doanh thu	01	17	2.157.097.805	1.252.357.821
Giá vốn hàng bán	11	18	(2.022.916.842)	(1.175.139.612)
Lợi nhuận gộp	20		134.180.963	77.218.209
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	55.654.542	47.463.214
Chi phí tài chính	22	20	(99.770.002)	(48.009.950)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(29.796.327)	(26.917.587)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.269.176	49.753.886
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		4.050.811	1.957.632
Chi phí khác	32		(3.249.416)	(523.588)
Lợi nhuận trước thuế	50		61.070.571	51.187.930
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	21	-	(2.327.926)
Lợi nhuận thuần	60		61.070.571	48.860.004

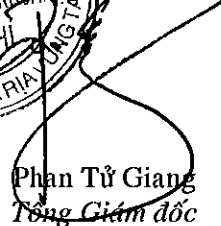
Người lập:



Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Vốn cổ phần VND'000	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND'000	(Lỗ lũy kế)/ Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Nguồn kinh phí sự nghiệp VND'000	Tổng VND'000
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010	400.000.000	-	(10.579.787)	-	389.420.213
Cổ phiếu đã phát hành	300.000.000	-	-	-	300.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	48.860.004	-	48.860.004
Nguồn kinh phí sự nghiệp nhận được từ ngân sách Nhà nước	-	-	-	3.105.598	3.105.598
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2011	700.000.000	-	38.280.217	3.105.598	741.385.815
Giảm vốn cổ phần	(105.102.130)	-	-	-	(105.102.130)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	61.070.571	-	61.070.571
Cổ tức	-	-	(29.744.894)	-	(29.744.894)
Nguồn kinh phí sự nghiệp nhận được từ ngân sách Nhà nước	-	-	-	28.613.240	28.613.240
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	-	-	16.408.301	16.408.301
Sử dụng quỹ	-	-	-	(30.914.985)	(30.620.455)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	765.604	(2.296.813)	-	(1.531.209)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	594.897.870	765.604	67.309.081	17.212.154	680.184.709

Người lập:


Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc



Ngày 7 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND'000	2010 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		61.070.571	51.187.930
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		130.801.139	54.033.299
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(12.087.488)	(9.201.900)
Chi phí lãi vay	06		66.502.619	32.506.081
Thu nhập lãi tiền gửi	07		(20.383.686)	(18.118.126)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		225.903.155	110.407.284
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(159.454.976)	221.081.416
Biến động hàng tồn kho	10		333.387.925	(365.825.206)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(518.000.920)	(138.672.183)
			(118.164.816)	(173.008.689)
Lãi vay đã trả	13		(114.209.772)	(26.613.234)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(2.324.608)	(408.712)
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(700.501)	-
Tiền thuần chi cho hoạt động kinh doanh	20		(235.399.697)	(200.030.635)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(120.203.474)	(177.618.244)
Thu lãi tiền gửi	27		20.383.686	12.712.613
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(99.819.788)	(164.905.631)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND'000	2010 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ vốn chủ sở hữu đã phát hành	31		-	300.000.000
Tiền chi do thu hồi cổ phiếu	32		(105.102.130)	-
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		936.358.971	284.935.289
Chi trả nợ gốc vay	34		(642.179.089)	(43.605.894)
Nguồn kinh phí sự nghiệp thuần nhận được từ ngân sách Nhà nước			14.106.556	3.105.598
Chi trả cổ tức	36		(29.744.894)	-
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40		173.439.414	544.434.993
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(161.780.071)	179.498.727
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		454.656.978	275.158.251
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	292.876.907	454.656.978

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	2011 VND'000	2010 VND'000
Chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	12.962.748	33.626.000
Nguyên giá của tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang mua nhưng chưa trả tiền	-	510.131.223

Người lập:   Người duyệt: 

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng

Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 726 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 733 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng làm tròn tới hàng nghìn ("VND'000"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Việc áp dụng thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Công ty. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do áp dụng phi hồi tố.

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 ("CMKT 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Hợp đồng xây dựng dở dang

Hợp đồng xây dựng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán trừ đi dự phòng lỗ dự kiến. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành của hợp đồng xây dựng.

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 6 năm
▪ thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	2 – 3 năm
▪ khác	3 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(1) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và phụ tùng thay thế

Nguyên giá công cụ và phụ tùng thay thế có thời gian hữu dụng trên một năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

(ii) Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 47 năm.

(iii) Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm khoản trả trước cho các khoản mục có thời gian hữu dụng trên một năm. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.



(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



(iii) Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Tiền mặt	3.003.835	3.150.924
Tiền gửi ngân hàng	149.873.072	132.307.583
Các khoản tương đương tiền	140.000.000	319.198.471
	292.876.907	454.656.978

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có các đơn vị tiền tệ khác VND tương đương 17.424 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 153.522 triệu VND).

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng bao gồm:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên giá lũy kế của hợp đồng xây dựng tại thời điểm cuối năm	3.176.434.073	1.162.331.662
Lợi nhuận được phân bổ	149.783.007	51.765.853
Doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng tại thời điểm cuối năm	3.326.217.080	1.214.097.515
Dự phòng cho các khoản lỗ dự kiến	-	-
Hợp đồng xây dựng dở dang tại thời điểm cuối năm	3.326.217.080	1.214.097.515
Hóa đơn phát hành theo tiến độ	(3.052.783.149)	(1.978.877.708)
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng/(doanh thu chưa thực hiện) (xem thuyết minh 11)	273.433.931	(764.780.193)

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Ban Giám đốc, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, không cần lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu thương mại và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu thương mại và phải thu khác như sau:

	31/12/2011 VND'000
Trong hạn	514.885.771

5. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Nguyên vật liệu	135.828.473	471.409.415
Công cụ và dụng cụ	5.727.818	3.534.801
	<u>141.556.291</u>	<u>474.944.216</u>

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND'000	Khác VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	238.745.692	67.233.138	11.250.356	355.398.978	-	730.156	673.358.320
Tăng trong năm	523.558	2.853.160	1.159.765	254.695	2.932.847	-	7.724.025
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	419.945.288	42.842.215	206.700	22.420.747	-	-	485.414.950
Số dư cuối năm	659.214.538	112.928.513	12.616.821	378.074.420	2.932.847	730.156	1.166.497.295
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	21.286.522	9.544.198	4.710.947	20.741.053	-	308.512	56.591.232
Khấu hao trong năm	68.523.619	12.889.840	3.215.897	33.051.621	166.475	243.385	118.090.837
Số dư cuối năm	89.810.141	22.434.038	7.926.844	53.792.674	166.475	551.897	174.682.069
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	217.459.170	57.688.940	6.539.409	334.657.925	-	421.644	616.767.088
Số dư cuối năm	569.404.397	90.494.475	4.689.977	324.281.746	2.766.372	178.259	991.815.226

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có các tài sản cố nguyên giá ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 2.269 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (Ngày 31 tháng 12 năm 2010: 862 triệu VND).

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011(tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND'000
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	608.110
Tăng trong năm	18.335.764
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	9.936.693
Số dư cuối năm	28.880.567
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	385.047
Khấu hao trong năm	7.028.473
Số dư cuối năm	7.413.520
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	223.063
Số dư cuối năm	21.467.047

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	2011 VND'000	2010 VND'000
Số dư đầu năm	473.410.416	473.224.715
Tăng trong năm	106.656.111	557.426.540
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(485.414.950)	(557.240.839)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(9.936.693)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.280.906)	-
Số dư cuối năm	75.433.978	473.410.416

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 12.962 triệu VND (2010: 33.626 triệu VND)

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011(tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và phụ tùng thay thế VND'000	Chi phí thuê đất trả trước VND'000	Chi phí khác VND'000	Tổng VND'000
Số dư đầu năm	20.115	141.751.631	2.721.750	144.493.496
Tăng trong năm	-	-	450.322	450.322
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	9.280.906	9.280.906
Phân bổ trong năm	(20.115)	(3.081.557)	(2.580.157)	(5.681.829)
Số dư cuối năm	-	138.670.074	9.872.821	148.542.895

10. Vay ngắn hạn

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn chưa quyết toán như sau:

	Đảm bảo	Đơn vị tiền tệ	Lãi suất (hàng năm)	31/12/2011 VND'000
Tổng Công ty Tài chính Cổ Phần Dầu Khí Việt Nam	Không đảm bảo	VND	4,9%	641.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ Phần Dầu Khí Việt Nam	Không đảm bảo	VND	14%-19%	153.197.270
Ngân hàng Đại Dương	Không đảm bảo	USD	6%	94.142.560
				888.339.830

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu VND'000	Trong vòng 1 năm VND'000
Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác	510.097.505	510.097.505	510.097.505
Vay ngắn hạn	888.339.830	912.367.086	912.367.086
	1.398.437.335	1.422.464.591	1.422.464.591

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011(tiếp theo)

11. Trả trước từ khách hàng

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Trả trước từ khách hàng (*)	130.199.763	142.169.616
Doanh thu chưa thực hiện (xem Thuyết minh 4)	-	764.780.193
	130.199.763	906.949.809

(*) Khoản trả trước từ khách hàng phản ánh khoản tạm ứng từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đối với dự án đóng tàu. Khoản này sẽ được căn trừ dần vào các khoản phải thu thương mại trong quá trình thực hiện dự án cho đến khi dự án hoàn thành.

12. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Thuế xuất nhập khẩu	-	42.140
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.324.608
Thuế thu nhập cá nhân	2.064.171	2.375.779
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	502.727
Thuế môn bài	-	6.000
	2.064.171	5.251.254

13. Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Chi phí lãi vay	9.435.147	44.179.552
Chi phí khác	2.226.392	325.336
	11.661.539	44.504.888

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011(tiếp theo)

14. Vay dài hạn

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Vay dài hạn hoàn trả sau 12 tháng	-	594.159.948

Khoản vay dài hạn được giải ngân vào năm 2009 với hạn mức tối đa là 750.000 triệu VND và chịu lãi suất năm là từ 5,28% đến 6,98% đối với khoản vay bằng USD và từ 10,5% đến 16,3% đối với khoản vay bằng VND. Khoản vay này đã được hoàn trả hết vào năm 2011.

15. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND'000	Số cổ phiếu	VND'000
Vốn cổ phần được duyệt	54.489.787	594.897.870	40.000.000	400.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	54.489.787	594.897.870	70.000.000	700.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	54.489.787	594.897.870	70.000.000	700.000.000

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2011		2010	
	Số cổ phiếu	VND'000	Số cổ phiếu	VND'000
Số dư đầu năm	70.000.000	700.000.000	40.000.000	400.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	30.000.000	300.000.000
Giảm vốn cổ phần trong năm	(10.510.213)	(105.102.130)	-	-
Số dư cuối năm	59.489.787	594.897.870	70.000.000	700.000.000

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011(tiếp theo)

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc tăng vốn cổ phần lên 700 tỷ VND và các cổ đông đã góp tiền mặt để phát hành cổ phiếu mới. Theo quyết định số 1157/UBCK-TT của UBCK Nhà nước, Công ty đã tiến hành hoàn trả lại một phần khoản vốn góp cho cổ đông bằng tiền mặt. Theo Báo cáo Kiểm toán vốn vào ngày 31 tháng 07 năm 2011 và giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty đã nhận được ngày 1 tháng 12 năm 2011, số vốn cổ phần của Công ty được chấp nhận là 594.898 triệu VND.

16. Nguồn kinh phí sự nghiệp

Số liệu thể hiện nguồn kinh phí nhận được từ ngân sách Nhà nước cho dự án nghiên cứu khoa học.

17. Tổng doanh thu

	2011 VND'000	2010 VND'000
Dự án giàn khoan tự nâng 90m nước	2.112.119.565	1.214.097.515
Dịch vụ khác	44.978.240	38.260.306
	2.157.097.805	1.252.357.821

18. Giá vốn hàng bán

	2011 VND'000	2010 VND'000
Dự án giàn khoan tự nâng 90m nước	2.014.102.411	1.162.331.662
Dịch vụ khác	8.814.431	12.807.950
	2.022.916.842	1.175.139.612

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND'000	2010 VND'000
Thu nhập lãi tiền gửi	20.383.686	18.118.126
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.140.105	12.471.824
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.130.751	16.873.264
	55.654.542	47.463.214

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011(tiếp theo)

20. Chi phí tài chính

	2011 VND'000	2010 VND'000
Chi phí lãi vay	66.502.619	32.506.081
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.224.120	7.832.505
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.043.263	7.671.364
	99.770.002	48.009.950

21. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND'000	2010 VND'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	-	2.324.608
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	3.318
	-	2.327.926

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 VND'000	2010 VND'000
Lợi nhuận trước thuế	61.070.571	51.187.930
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	15.267.643	12.796.983
Ảnh hưởng thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	1.398.937	178.347
Ảnh hưởng thuế của ưu đãi thuế	(16.666.580)	(10.650.722)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	3.318
	-	2.327.926

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011(tiếp theo)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Công văn số 6031/CT-TTHT do Cục Thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo ba mức thuế suất như sau:

- Đối với các hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng mức thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng chung sau đó. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế, và được giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo.
- Đối với các hoạt động thi công công trình thủy; sản xuất các loại vật liệu, sản xuất thiết bị cơ khí và điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy; chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình hạ tầng và công nghiệp; nạo vét luồng lạch và san lấp tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng; cung cấp dịch vụ xây dựng cho công trình dầu khí, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo luật hiện hành. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế, và được giảm 50% thuế thu nhập trong hai năm tiếp theo.
- Đối với các hoạt động khác Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng mức thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng chung.

22. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan trình bày trong báo cáo tài chính này, Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

	2011 VND'000	2010 VND'000
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát		
Tiền thù lao	561.333	713.387

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011(tiếp theo)

23. Nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các khoản nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	836.555
Phải thu thương mại	9.478.296
Phải trả người bán	(18.753.388)
Vay ngắn hạn	(4.520.000)
	(12.958.537)

Rủi ro tiền tệ của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 31/12/2011 VND
USD 1	20.828

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Ảnh hưởng trên lãi thuần tại ngày 31/12/2011 VND'000
USD (mạnh thêm 7%)	(14.673.433)

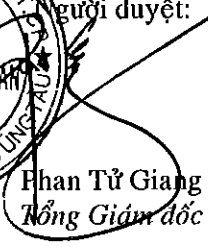
Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lãi thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011(tiếp theo)

24. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2011 VND'000	2010 VND'000
Chi phí nguyên vật liệu	1.445.148.831	779.242.774
Chi phí nhân công và nhân viên	175.097.379	142.512.981
Khấu hao và phân bổ	130.801.139	54.033.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	327.736.444	201.447.644
Chi phí khác	2.191.938	1.288.550

Người lập:   Người duyệt: 
Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng
Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2012

